

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Khánh

2. Ông Đoàn Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2018/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 8, xã H, huyện H, tp. Đà Nẵng

2. *Bị đơn:* Ông Trần Công T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 90, phường K, quận C, tp. Đà Nẵng.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Võ Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Công T kết hôn tháng 6 năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại tổ 90, phường K, quận C, tp. Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T không quan tâm đến vợ con, ăn nói thô lỗ, chửi mắng, đánh đập bà, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn đối với ông Trần Công T.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông Trần Công T có 01 con Trần Hồ Thùy T, sinh ngày 24/10/2011. Ly hôn, bà T có nguyện vọng nhận nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 6 năm 2018, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Trần Công T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T xác nhận về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như bà T trình bày là đúng. Quá trình hòa giải, ông T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên đôi khi có cãi vã nhưng ông không đồng ý ly hôn, xin được đoàn tụ vì ông còn yêu thương vợ con. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con tên Trần Hồ Thùy T, sinh ngày 24/10/2011 như bà T trình bày là đúng. Ly hôn, ông T có nguyện vọng nhận nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký tòa án, nguyên đơn dân sự tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn dân sự chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất, không tham gia phiên tòa xét xử lần thứ nhất.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu T, công nhận bà Võ Thị Thu T và ông Trần Công T thuận tình ly hôn.

+ Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Trần Hồ Thùy T, sinh ngày 24/10/2011 cho bà T nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa bà Võ Thị Thu T và ông Trần Công T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm

Lệ, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Võ Thị Thu T và ông Trần Công T. Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu T và ông Trần Công T kết hôn vào tháng 6 năm 2011 tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa, bà T cho rằng tình cảm giữa bà và ông T không còn nên kiên quyết ly hôn, ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Xét thấy, việc ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử cần công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông T là phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông T có 01 con chung là Trần Hồ Thùy T, sinh ngày 24/10/2011. Ly hôn, cả bà T và ông T đều có nguyện vọng nhận nuôi dưỡng cháu T. Xét thấy, cháu Trần Hồ Thùy T là con gái, hiện nay chưa đủ 07 tuổi đang ở với mẹ nên cần thiết xử giao cháu T cho bà T được quyền nuôi dưỡng nhằm đảm bảo việc ổn định đời sống, tâm sinh lý của cháu T là phù hợp. Tại phiên tòa, bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0385 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thu T về việc yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Trần Công T, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Thu T với ông Trần Công T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Trần Hồ Thùy T, sinh ngày 24/10/2011 cho bà Võ Thị Thu T nuôi dưỡng; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Võ Thị Thu T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0385 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- UBND phường K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đức Thọ